TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/DS – ST
Ngày: 9/03/2022
V/v "Quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
- Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Ngọc Tòng

2.Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên toà: ông Nguyễn Hoàng Danh kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 03 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2021/TLST – DS, ngày 10 tháng 5 năm 2021; Quyết định vụ án ra đưa ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Ánh H, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện T, TP. Cần Thơ.

2/ Bà Nguyễn Thị Út C, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

3/ Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H là bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (theo văn bản uỷ quyền chứng thực ngày 15/6/2021) (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1923

2/ Ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1965

3/ Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1971

Cùng cư trú: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

Đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Phước T1 là bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1971, cư trú: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long. (theo văn bản uỷ quyền chứng thực ngày 21/6/2021) (có mặt)

Đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Phước T1 là bà Nguyễn Xuân N, sinh năm 1964, cư trú: số 225/12/10 đường 30/4, phường H, quyận N, thành phố Cần Thơ. (theo văn bản uỷ quyền chứng thực ngày 24/01/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 7/5/2021 của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Trước đây cụ ông Nguyễn Văn K và cụ bà Nguyễn Thị B có tranh chấp về lối đi và thoát nước, sau đó hai bên đã thỏa thuận được với nhau theo quyết định công nhận thoả thuận của các đương sự số 196/QĐ.HGT ngày 31/10/2005 của Tòa án nhân dân huyện Bình Minh thì cụ bà Nguyễn Thị B để cho cụ ông Nguyễn Văn K một lối đi ngang thửa 341 và thửa 310 để vào đất của ông K thửa 311 (có sơ đồ hiện trạng). Nhưng tháng 12/2020 ông Nguyễn Văn Th và cụ bà Nguyễn Thị B có hành vi ngăn cản và làm hàng rào không cho bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T vào phần đất để canh tác như đã thỏa thuận giữa cụ ông K và cụ bà B, làm ảnh hưởng đến việc canh tác và sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T.

Nay bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc cụ bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Phước Th và bà Trần Thị Mỹ P phải mở lối đi ngang khoảng 1,5m, dài khoảng 4m, thuộc thửa 164 (trước đây là thửa 341) do cụ bà Nguyễn Thị B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 14/02/2022 của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T có đơn rút yêu cầu toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* Theo đơn phản tố ngày 27/9/2021 của ông Nguyễn Phước T1 và bà Trần Thị Mỹ P trình bày:

Trước đây theo quyết định số 196/QĐ.HGT ngày 31/10/2005 của Toà nhân dân huyện Bình Minh thì cụ bà Nguyễn Thị B có cho cha của bà Ngọc T, ông Ánh H và bà Út C là cụ ông Nguyễn Văn K sử dụng tạm đường nước và cho máy móc lên xuống nhờ một phần tiếp giáp với sông Hậu thuộc thửa số 341 (nay là thửa 164). Hiện nay cụ K đã chết đã sang tên các thửa đất lại cho các con là bà Ngọc T, ông Ánh H và bà Út C. Cụ bà Nguyễn Thị B đã sang tên cho con là ông Nguyễn Phước T1 đứng tên. Như vậy các thửa đất trên đều có thửa đất mới, việc thực hiện quyết định số 196/QĐ.HGT, ngày 31/10/2005 của Toà nhân dân huyện Bình Minh coi như đã xong.

Thực tế hiện nay các thửa đất bà Ngọc T, ông Ánh H và bà Út C muốn đi từ đường cái vào thì có nhiều lối đi, sử dụng rất thuận tiện. Điển hình gia đình bà Út C vẫn đi bình thường hàng ngày để sản xuất và canh tác trên thửa đất và canh tác trên thửa đất của mình. Còn miếng đất trước đây cụ B cho máy móc đi nhờ theo quyết định 196/QĐ.HGT ngày 30/10/2005 thì không có ai đi cả (vì khoảng 10 năm nay do cải tiến kỷ thuật canh tác, thay đổi cơ cấu cây trồng, không ai còn còn sử dụng máy móc nông

ngư cơ còng kềnh phải di chuyển bằng ghe, trẹt nữa) nên đó không phải là đường đi. Nếu đi từ đường cái vào các thửa đất trên thì bị ngăn cách bởi một phần đất của chủ sở hữu khác là anh Hai Đ, rất thuận tiện.

Phần trình bày thứ hai về đường nước. Xét thấy dù sau cũng đã đặt bọng, đường nước này đang sử dụng.

1. Không đồng ý mở lối đi tiếp giáp sông hậu (nay là bờ đê ven sông gọi là đường Cái) thuộc thửa 164. Gia đình chúng tôi sẽ rào lại để bảo vệ tài sản, hoa màu)

2. Phần đường dẫn nước. Chúng tôi không yêu cầu di dời Tuy nhiên các ông bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T phải bù đắp cho chúng tôi 300.000 đồng/1 tháng tức 3.600.000 đồng/1năm, trả hàng tháng hoặc trả 6 tháng/1 lần, dựa trên diện tích đất của mỗi chủ sử dụng và được chia như sau: bà Nguyễn Ngọc T đứng tên diện tích 5.592m^2 phải trả 180.000 đồng/1 tháng, tức 2.160.000 đồng/1 năm. Ông Nguyễn Ánh H, đứng tên diện tích 1.227m^2, phải trả 40.000 đồng/1 tháng, tức 480.000 đồng/1 năm; bà Nguyễn Thị Út C đứng tên diện tích 2.351m^2 phải trả 80.000 đồng/1 tháng năm tức 960.000/1 năm. Việc này cho sử dụng tạm 3 năm (kể từ ngày 12/6/2021 đến ngày 12/6/2024) sau 3 năm nếu tiếp tục nữa thì ba bên bàn bạc thoả thuận lại.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H là bà Nguyễn Ngọc T, trình bày:

- Xin rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tiếp tục đặt ống bọng dẫn nước theo quyết định số 196/QĐ.HGT ngày 31/10/2005 của Toà án nhân dân huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Không thống nhất theo yêu cầu phản tố của bà P và ông T1.

* Đại diện uỷ quyền của cụ bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Phước T1 là bà Trần Thị Mỹ P trình bày:

- Bà P không đồng ý mở lối đi qua bất động sản liền kề. Bà P vẫn cương quyết yêu cầu bà T, ông Ánh H và bà Út C trả tiền đường dẫn nước như đơn phản tố vì ống bọng đường dẫn nước đặt trên thửa đất của bà và ông T1.

* Đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Phước T1 là bà Trần Thị N trình bày: bà vẫn cương quyết yêu cầu trả tiền đường dẫn nước như đơn phản tố của bà P và ông T vì ống bọng đường dẫn nước đặt trên thửa đất của P và ông T.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị Mỹ P về yêu cầu ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Út C phải bồi thường tiền đặt bọng với giá 3.600.000 đồng/năm. Giữ nguyên hiện trạng phần bọng theo Quyết định số 196/2005/QĐ. HGT ngày 31/10/2005 của Tòa án huyện Bình Minh. Về án phí: ông T1, bà P nộp 300.000 đồng và chi phí khảo sát đo đạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án là "Quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi giải quyết đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Vào ngày 14/02/2022 Toà án nhân dân huyện Bình Tân nhận được đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 của bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ánh H và bà Nguyễn Thị Út C là nguyên đơn trong vụ án nộp trực tiếp đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là sự tự nguyện của các nguyên đơn nên Toà án nhân dân huyện Bình Tân ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 06/2022/QĐST – DS ngày 14/02/2022. Do đó xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố thì bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn theo quy đinh tại điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015.

Nội dung vụ án: Cụ ông Nguyễn Văn K có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 311 nay đã cho bà T, bà C và ông H. Cụ bà Nguyễn Thị B có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 341. Năm 2015 hai bên thỏa thuận với nhau theo quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên đương sự số 196/QĐ.HGT ngày 31/10/2005 của Tòa án nhân dân huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thì bà Nguyễn Thị B cho ông Nguyễn Văn K được lấp đặt 01 ống bộng dẫn nước 4 tất mặt, dài 22m, độ sâu 2m ở ngay kinh phần giáp thửa 341 (nay là thửa 164) và 310, đầu ngoài giáp sông Hậu chạy vào theo kinh và mở cho ông Nguyễn Văn K một lối đi ngang thửa 341 và thửa 310 để vào thửa đất của K là thửa 311 (có sơ đồ hiện trạng) và K phải trả tiền chi phí sang lấp cho cụ bà B là 400.000 đồng. Sau khi thỏa thuận thì bên phần ông K sử dụng phần ống bọng và đường nước như đúng thỏa thuận. Bị đơn phản tố không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn yêu cầu tiền đường dẫn nước đặt trên thửa đất 164 của bà với số tiền là 3.600.000đồng/1 năm/ 3 người gồm: bà Nguyễn Ngọc T đứng tên diện tích 5.592m^2 phải trả 180.000 đồng/1 tháng, tức 2.160.000 đồng/1 năm. Ông Nguyễn Ánh H, đứng tên diện tích 1.227m^2, phải trả 40.000 đồng/1 tháng, tức 480.000 đồng/1 năm; bà Nguyễn Thị Út C đứng tên diện tích 2.351m^2 phải trả 80.000 đồng/1 tháng năm tức 960.000/1 năm. Việc này cho sử dụng tạm 3 năm (kể từ ngày 12/6/2021 đến ngày 12/6/2024) sau 3 năm nếu tiếp tục nữa thì ba bên bàn bạc thoả thuận lại.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T1 và bà Trần Thị Mỹ P

Bà P cho rằng quyết định số 196/QĐ.HGT ngày 31/10/2005 của Toà nhân dân huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh long thì cụ bà Nguyễn Thị B có cho cụ ông NguyễnVăn K là cha của bà Ngọc T, Ánh H và Út C sử dụng tạm đường nước và cho máy móc lên

xuống nhờ một phần tiếp giáp với sông Hậu thuộc thửa số 341 (nay là thửa 164). Hiện nay cụ ông K đã chết đã sang tên thửa đất lại cho các con là bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T. Phía cụ bà Nguyễn Thị B đã sang tên cho con là ông Nguyễn Phước T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Như vậy các thửa đất trên đều có thửa đất mới, việc thực hiện quyết định số 196/QĐ.HGT ngày 31/10/2005 của Toà nhân dân huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xem như đã xong không còn giá trị.

Phần đường dẫn nước. ông T1 và bà P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T phải di dời đi nơi khác. Tuy nhiên ông T1 và bà P yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T phải bồi thường phần đường dẫn nước từ kênh công cộng đi ngan phần đất thửa 164 để dẫn nước vào các thửa 722, 723, 724 với giá mỗi năm số tiền 300.000 đồng/1 tháng tức 3.600.000 đồng/1năm.

Theo thỏa thuận của cụ ông Nguyễn Văn K với cụ bà Nguyễn Thị B thì cụ B đồng ý cho cụ K đặt 01 ống bọng sâu 02m từ kênh công cộng để dẫn nước vào thửa 311, cụ K phải trả tiền chi phí sang lắp cho cụ B là 400.000 đồng. Từ khi thỏa thuận đến nay thì cụ K vẫn sử dụng đường này để sản xuất. Theo quy định tại Điều 253 BLDS năm 2015 "Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó; nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường".

Theo kết quả thẩm định của Tòa án ngày 18/02/2022 thì hiện trạng ống bọng đặt đúng như thỏa thuận của cụ K và cụ B và chỉ có bà T, bà Út C và ông H sử dụng không có người nào khác sử dụng chung. Như vậy, việc cụ K và cụ B thỏa thuận để cho ông K đặt bọng dẫn nước phục vụ cho sản xuất là sự tự nguyện và cụ K cũng đã sử dụng ổn định, liên tục, dâu dài. Nay bà T, bà Út C và ông H tiếp tục sử dụng và đường dẫn nước này không ảnh hưởng đến thửa đất 164 của ông T1 và bà P và những thửa đất xung quanh.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T1 và bà Trần Thị Mỹ P là không có cơ sở. Áp dụng Điều 252, 253 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T1 và bà Trần Thị Mỹ P về yêu cầu ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Út C phải bồi thường tiền đặt bọng dẫn nước với giá 3.600.000 đồng/năm.

Giữ nguyên hiện trạng phần ống bọng dẫn nước theo Quyết định số 196/2005/QĐ. HGT ngày 31/10/2005 của Tòa án huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định tại chổ: Áp dụng Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, số tiền là 500.000 đồng. Do yêu cầu của ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P không được chấp nhận. Buộc Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P nộp 500.000 đồng. Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P được khấu trừ vào số tiền

500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng ngày 4/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân. Vậy ông T1 và bà P không phải nộp thêm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P không được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P nộp 300.000 đồng. Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0012003 ngày 27/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 252, 253 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T1 và bà Trần Thị Mỹ P về việc yêu cầu ông Nguyễn Ánh H, bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Út C phải bồi thường tiền đặt bọng dẫn nước vào các thửa 722, 723, 724 với giá 3.600.000 đồng/năm.

- Giữ nguyên hiện trạng phần đặt ống bọng dẫn nước theo Quyết định số 196/2005/QĐ. HGT ngày 31/10/2005 của Tòa án huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

[5] Về chi phí thẩm định tại chổ: Buộc Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P nộp 500.000 đồng. Ông Nguyễn Phước T1 và Bà Trần Thị Mỹ P được khấu trừ số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng ngày 4/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân. Vậy ông T1 và bà P không phải nộp thêm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Phước T1 và bà Trần Thị Mỹ P nộp 300.000 đồng. Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0012003 ngày 27/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy Ông Nguyễn Phước T1, Bà Trần Thị Mỹ P không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Án xử công khai có mặt phía nguyên đơn đại diện uỷ quyền của cụ bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Phước T1 là bà Trần Thị Mỹ P, đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Phước T1 là bà Nguyễn Xuân N; phía bị đơn Đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Ánh H là bà Nguyễn Ngọc T, biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSNDH Bình Tân;
-THADSH Bình Tân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THÀNH TỰU